

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-PT

Ngày: 17-5-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm: 1971; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1996; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024).

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Bùi Đình H, sinh năm: 1983, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1988; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1983; cư trú tại thôn E, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1; Địa chỉ: KM16, Quốc lộ B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024).

2/ Bà Quách Thị Thúy A; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Ông Bùi Đình H2, sinh năm: 1958; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Bùi Đình H – Bị đơn.

(Ông T, bà D, ông H, ông C, bà H1, ông Q và ông H2 có mặt tại phiên tòa, bà A vắng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2023, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày: Khoảng tháng 4 năm 2022, qua ông T2 ở T, ông T có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ của vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1, lô đất diện tích khoảng 01 sào, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Ông H, bà H1 cam kết khoảng 02 tháng là được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên lập hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 12/4/2022, ông H, bà H1 nhận của ông T 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 24/4/2022 thì giao hết số tiền còn lại, đến ngày 22/4/2022, ông T đã chuyển toàn bộ số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông H, bà H1 và ông H, bà H1 xác nhận đã nhận đủ tiền. Sau thời điểm giao tiền và xác nhận, ông T lên Ủy ban nhân dân xã Đ đăng ký làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hỏi thủ tục đổ đất làm nhà thì được biết thông tin khu vực này không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được và cũng không được phép đổ đất làm nhà. Ông T đã gặp ông H, bà H1 thì được được hướng dẫn liên hệ cho ông Nguyễn Xuân Q để đo đất, làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T liên hệ thì ông Q cho người xuống đo đất và cam đoan đến cuối năm 2022 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa có thông tin, trong khi ông H, bà H1 vẫn quản lý, sử dụng đất này. Qua thông tin ông T tìm hiểu thì đất này thuộc về Công ty C1 (cụ thể ông không rõ), nay thì ông biết đất vẫn được giao cho Công ty TNHH một thành viên C1. Ông T cho rằng ông H, bà H1 đã có hành vi gian dối trong chuyển nhượng nên đã làm đơn gửi cơ quan Công an, tuy nhiên Công an tỉnh có văn bản hướng dẫn đây là tranh

chấp dân sự và hướng dẫn ông yêu cầu giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất) ngày 12/4/2022 giữa vợ chồng ông H, bà H1 với ông T là vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Bị đơn vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Ngày 12/4/2022, ông bà có chuyển nhượng 01 lô đất ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ cho ông Vũ Văn T, giá chuyển nhượng là 2.100.000.000 đồng, các bên đã hoàn tất việc giao đất và giao tiền đầy đủ vào ngày 24/4/2022. Nguồn gốc lô đất ông bà chuyển nhượng cho ông T do bố mẹ ông H (là ông Bùi Đình H2, bà Trương Thị L) tặng cho khi ông H, bà H1 kết hôn vào năm 2006, tổng diện tích được tặng cho là 6000 m², đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà trồng cà chua trên diện tích đất trên và tháng 4 năm 2022 chuyển nhượng một phần cho ông T như đã nói ở trên với kích thước ngang mặt đường 20 mét và sâu 50 mét, tổng cộng diện tích khoảng 1 sào (1.000 m²). Khi chuyển nhượng ông, bà cam kết đất không có tranh chấp, khi nào ông T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông, bà đứng ra ký giáp ranh. Các bên đã tiến hành bàn giao đất và ông T đã tiến hành đóng cọc, cắm mốc. Ông bà khẳng định không có việc cam kết với ông T khoảng 02 tháng là được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông T cho rằng ông, bà có hành vi gian dối do đất không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thì ông, bà không đồng ý vì các bên thỏa thuận chuyển nhượng giấy tờ tay, không thỏa thuận về việc bao làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong hợp đồng chuyển nhượng cũng không có nội dung này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất) ngày 12/4/2022 giữa vợ chồng ông H, bà H1 với ông T là vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên, yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) thì ông, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nguyễn Xuân Q trình bày:* Phần đất vợ chồng ông H, bà H1 chuyển nhượng cho ông T là do Công ty giao cho ông H2 canh tác, sử dụng từ năm 1998 đến nay, việc ông H2 chuyển nhượng cho vợ chồng ông H thì Công ty không biết vì không thông qua công ty, đến khi vợ chồng ông H sang nhượng xong cho ông T thì ông Q mới biết. Vì

vậy việc sang nhượng từ ông H2 qua vợ chồng ông H, từ vợ chồng ông H sang ông T đều vi phạm hợp đồng vì thực tế đất của công ty giao cho các hộ dân có quyền sang nhượng khi được phép và đồng ý của công ty. Phần đất ông T nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông H vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của công ty. Việc công ty X đo đạc ngày 29/8/2022, mục đích là để khảo sát lại diện tích theo chỉ đạo của huyện. Đối với phần đất này, công ty đã có tờ trình đề nghị trả lại đất cho Ủy ban nhân dân tỉnh L. Trong vụ án này, Công ty không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Thúy A trình bày: Căn nhà gỗ trên đất các bên tiến hành chuyển nhượng cho nhau là do bà dựng nhờ, khi Tòa án giải quyết thì bà cam đoan sẽ tự tháo dỡ, bà không có tranh chấp với ai và không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đình H2 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông T với ông H, bà H1 là của ông H2 được Nông trường cà phê Phi Liêng (thuộc Công ty C1) giao quản lý, sử dụng từ năm 1998. Thời điểm năm 2022, do tuổi cao, sức khỏe yếu, không có điều kiện canh tác nên ông H2 có sang nhượng một phần đất cho ông Vũ Văn T. Giữa ông H2 và ông T có Giấy sang nhượng viết tay, chỉ ghi số tiền chuyển nhượng là 200.000.000 đồng để bớt thuế, giấy tờ này do ông T giữ nhưng giá trị chuyển nhượng thực tế là 2.100.000.000 đồng. Ông H2 nhờ ông H (là con trai ông) ký nhận tiền từ ông T, ông không biết nội dung giấy tờ sang nhượng giữa ông H, bà H1 với ông T vì ông chưa tặng cho đất này cho ông H, bà H1. Đối với số tiền nhận chuyển nhượng đất thì ông H chỉ ký nhận tiền còn lại được sử dụng trong gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông H2 và ông T khi thỏa thuận chuyển nhượng đất có lên xin phép phía Nông trường cà phê Phi Liêng, ông H2 cũng không cam kết bao ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, các bên đã xin phép và có xác nhận của phía Nông trường nên ông H2 cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 16/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với bị đơn vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 12/4/2022 giữa ông Vũ Văn T và vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất viết tay) là vô hiệu, hủy hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 12/4/2022 giữa ông Vũ Văn T và vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất viết tay). Buộc vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Vũ Văn T số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nhận là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Vũ Văn T 4.112.400 đồng (bốn triệu một trăm mười hai ngàn bốn trăm đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/01/2024 bị đơn ông Bùi Đình H có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: ông Bùi Đình H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông C là người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng ông H2 và ông T đã đến Nông trường để làm hợp đồng và ông T đã nộp tiền nợ sản phẩm cà phê và tiền làm thủ tục thanh lý hợp đồng khoán số tiền 9.060.000 đồng cho Nông trường cà phê nên đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/4/2022 giữa ông T và vợ chồng ông H, bà H1.

Ông T không đồng ý với kháng cáo của ông H đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình H. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2022 giữa vợ chồng ông H, bà H1 với ông T là vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên và yêu cầu bị đơn vợ chồng ông H, bà H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 2.100.000.000đ. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đình H thì thấy rằng: Theo hồ sơ thể hiện: Ngày 12/4/2022 giữa vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 với ông Vũ Văn T có viết “*Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất*”. Theo đó, vợ chồng ông H, bà H1 chuyển nhượng cho ông T diện tích khoảng 1.000m² đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng là 2.100.000.000 đồng. Ông H, bà H1 nhận của ông T 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 24/4/2022 thì giao hết số tiền còn lại, đến ngày 22/4/2022, ông T đã chuyển toàn bộ số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông H, bà H1 và ông H, bà H1 xác nhận đã nhận đủ tiền.

Nguồn gốc diện tích đất vợ chồng ông H, bà H1 chuyển nhượng cho ông T là do Công ty TNHH MTV C1 giao khoán cho ông H2 canh tác, sử dụng từ năm 1998. Năm 2022, do tuổi cao, sức khỏe yếu, không có điều kiện canh tác nên ông H2 có làm “*Đơn xin sang nhượng hợp đồng nhận khoán sản xuất nông nghiệp trồng cây cà phê*” đối với một phần diện tích đất đã nhận khoán là 1.353m² cho con trai là Bùi Đình H (BL số 39). Tiếp đến, ông Bùi Đình H có “*Đơn xin hợp đồng nhận khoán sản xuất nông nghiệp chăm sóc cà phê*” (BL số 41), có xác nhận của nông trường và công ty. Tuy nhiên, nội dung xác nhận là để ông H quản lý đất đai và giao nộp nợ sản phẩm khoán từ ông H2 chuyển qua. Theo hồ sơ thể hiện thì đối với phần đất này, công ty TNHH MTV C1 đã có tờ trình đề nghị trả lại đất cho Ủy ban nhân dân tỉnh L. Trên thực tế thì ông H, bà H1 cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông H, bà H1 viết giấy tay chuyển nhượng cho ông T. Ông T cũng chưa nhận đất để sử dụng. Tại phiên tòa bị đơn trình bày một phần diện tích bà A (cháu bị đơn) đang trồng cỏ nuôi bò và phần còn lại bị đơn trồng cà chua.

Như vậy “*Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 12/4/2022 giữa vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 với ông Vũ Văn T vi phạm cả về hình thức và nội dung nên vô hiệu. Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự thì “*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch*”. Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ông H, bà H1 xác nhận đã nhận số tiền 2.100.000.000 đồng của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông H, bà H1 phải trả lại cho ông T số tiền 2.100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán lại cho ông Vũ Văn T số tiền 4.112.400 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đình H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 12/4/2022 giữa ông Vũ Văn T và vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất viết tay) là vô hiệu, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 12/4/2022 giữa ông Vũ Văn T và vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 (dưới dạng Giấy thỏa thuận sang nhượng quyền sử dụng đất viết tay).

Buộc vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Vũ Văn T số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nhận là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Vũ Văn T 4.112.400 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu số tiền 74.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Văn T số tiền 37.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0010333 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Đình H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005299 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành Án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch Nguyễn Thành Tâm

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đam Rông (01);
- Chi cục THADS huyện Đam Rông (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt